



3/2/21

**DAILY** MORNING

VN-Index áp sát 1,080 điểm



|                | 3/2      | % Sáng 3/2 | 2/2      | % Ngày 2/2 | % Tuần | % Tháng |
|----------------|----------|------------|----------|------------|--------|---------|
| VN INDEX       |          |            | 1,075.53 | 3.86%      | -5.33% | -2.57%  |
| S&P 500        |          |            | 3,826.31 | 1.39%      | -0.61% | 2.53%   |
| S&P500 Futures | 3,837.25 | 0.50%      | 3,818.25 | 1.39%      | 2.48%  | 2.36%   |
| Shanghai       | 3,533.69 | 0.81%      | 3,505.28 | 0.64%      | -1.00% | 1.75%   |
| Euro Stoxx     |          |            | 3,590.46 | 1.69%      | -0.07% | 1.06%   |



Nguồn: Bloomberg, BSC

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | PTKT                |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Đảng Dân chủ tiến hành sử dụng công cụ pháp lý nhằm đẩy nhanh tiến trình thông qua gói hỗ trợ 1,900 tỷ USD.</li> <li>11/11 ngành cấp 1 thuộc S&amp;P500 tăng điểm. Những ngành tích cực nhất là: Dịch vụ tài chính (+2.46%), Công nghiệp (+2.15%), Tiêu dùng không thiết yếu (+2.00%).</li> <li>GDP khu vực Châu Âu giảm 0.7% QoQ trong quý IV, sau khi tăng 12.4% QoQ trong quý III. Italy giảm 2% QoQ, Pháp giảm 1.3% QoQ. Đức tăng 0.1% QoQ, Tây Ban Nha tăng 0.4% QoQ. Cả năm 2020, GDP giảm 6.8%.</li> </ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Kháng cự 3800       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Hỗ trợ 3500         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Xu hướng Tích lũy   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Kháng cự 3700       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Hỗ trợ 3450         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Điểm PTKT TRUNG LẬP |



Nguồn: Bloomberg, BSC

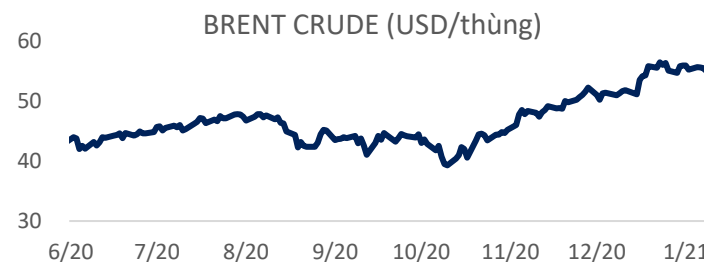


## Dự trữ dầu thô giảm tuần thứ hai liên tiếp

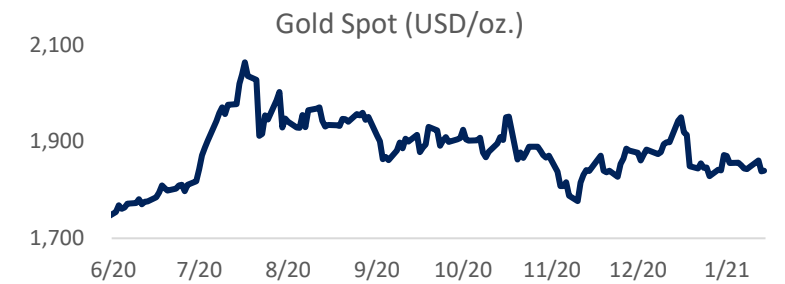
| Mặt hàng     | Đơn vị   | 3/2      | % Sáng 3/2 | 2/2     | % 2/2  | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|------------|---------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 55.07    | 0.57%      | 54.76   | 2.26%  | 4.20%  | 13.24%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. |          |            | 57.46   | 1.97%  | 3.27%  | 10.88%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 164.03   | 1.50%      | 161.60  | 1.63%  | 4.37%  | 0.16    | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,839.33 | 0.07%      | 1838.03 | -1.22% | -0.25% | -5.33%  | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 26.94    | 0.97%      | 26.68   | -8.16% | 6.63%  | -1.08%  | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USd/bu.  | 1,354.75 | -0.77%     | 1365.25 | 0.00%  | -1.13% | 4.17%   | DBC, QNS           | HKB                |
| WHEAT        | USd/bu.  | 644.75   | -0.96%     | 651.00  | 0.00%  | -3.08% | 0.62%   | AFX                |                    |
| MILK         | USD/cwt  |          |            | 16.25   | 0.49%  | -1.87% | -8.66%  | VNM, GTN, QNS      | KDC                |
| RUBBER       | JPY/kg   | 232.00   | -0.13%     | 232.30  | -1.57% | 1.18%  |         | SRC, CSM, DRC      | DPR, PHR, HAG, HNG |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |            | 16.29   | 0.87%  | 3.49%  | 6.61%   | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |            | 123.40  | -1.56% | -0.88% | -1.59%  | VCF, CTP           | CTP, DLG           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |            | 7777.00 | -0.28% | -2.89% | 0.14%   | CAV, SAM, TGP, VTH | MSN, ACM, BGM      |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 4,141.00 | -1.03%     | 4184.00 | -1.51% | -4.78% | -4.72%  | PC1, CTD, HBC      | HSG, HPG, NKG      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |            | 1972.50 | 0.18%  | -2.35% | -0.35%  | 0                  | CAV, SAM, TGP, VTH |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 934.50   | -2.30%     | 956.50  | -3.29% | -9.71% | -6.46%  | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |            | 85.00   | -0.76% | -4.01% | 3.98%   | HT1, BCC, PPC, POW | HLC, NBC, TNT, THT |

Ghi chú: USd = US Cent

- Theo API, dự trữ dầu thô Hoa Kỳ giảm 4.26 triệu thùng trong tuần kết thúc hôm 29/1, sau khi giảm 5.27 triệu thùng trong tuần liền trước.



Nguồn: Bloomberg, BSC

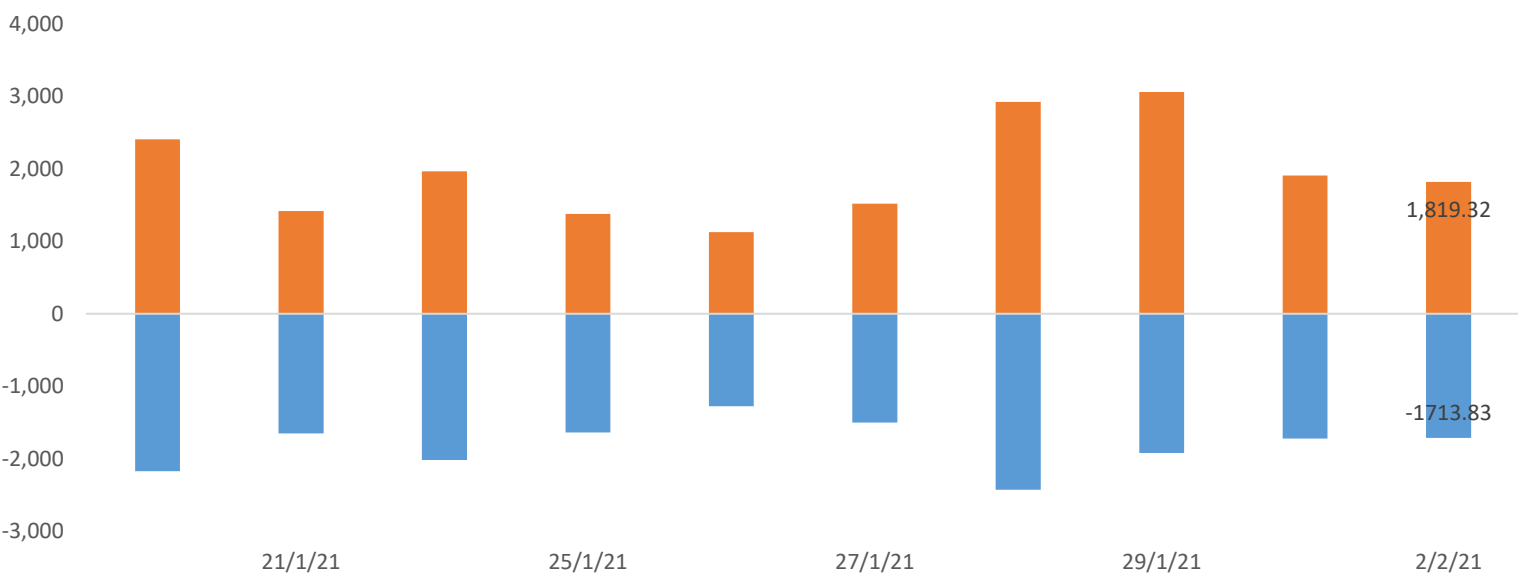


Nguồn: Bloomberg, BSC

# ETF FTSE tăng quy mô phiên thứ 2

| ETF       | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %     | Dòng vốn ròng (triệu USD) |     |       |       | Nhận định                                                                |
|-----------|------------------|-----------------|--------------------|-------|---------------------------|-----|-------|-------|--------------------------------------------------------------------------|
|           |                  |                 |                    |       | 1D                        | 1W  | 1M    | 3M    |                                                                          |
| VNM       | 446.4            | 16.8            | -                  | 1.6%  |                           | 0.0 | 0.0   | 8.9   | ETF FTSE tăng quy mô. Các ETFs khác cân bằng và duy trì quy mô hiện tại. |
| FTSE      | 356.9            | 33.8            | 0.0                | 1.6%  |                           | 1.0 | 3.9   | 10.6  |                                                                          |
| iShare    | 427.3            | 29.4            | -                  | -0.4% |                           | 0.0 | 0.0   | 0.0   | 0.0                                                                      |
| E1VFN30   | 363.6            | 0.8             | 0.0                | 0.6%  |                           | 0.0 | 1.8   | 36.1  | 38.8 Khối ngoại mua bán trái chiều trong khu vực.                        |
| FUEVFN30  | 291.3            | 0.8             | (0.0)              | 3.0%  |                           | 0.0 | 11.8  | 58.6  | 145.3 Họ mua ròng tại thị trường Indian, Malaysia,                       |
| FUESSVFL  | 61.4             | 0.6             | 0.0                | 0.1%  |                           | 0.0 | 8.4   | 14.0  | 11.6 Korea, Taiwan, Vietnam và bán ở các thị trường                      |
| FUESSVN30 | 3.0              | 0.6             | 0.0                | -2.5% |                           | 0.0 | 0.2   | 0.2   | 0.2 còn lại.                                                             |
| FUEMAVN30 | 12.7             | 0.5             | (0.0)              | 5.6%  |                           | 0.0 | 0.9   | 4.2   |                                                                          |
| VN100     | 3.6              | 0.6             | (0.0)              | -0.2% |                           | 0.0 | 0.0   | 0.0   | 0.1                                                                      |
| KIM       | 169.5            | 12.9            | -                  | 3.1%  |                           | 0.0 | -4.2  | -28.7 | -37.6                                                                    |
| PREMIA    | 26.6             | 10.7            | -                  | 1.8%  |                           | -   | (2.0) | 2.0   | 2.5                                                                      |

| Khối ngoại<br>(tr. USD)                               | Ngày   | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|--------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                                              | 4.04   | 9.35                  | 9.35                   |
| ASEAN4*                                               | -26.98 | -38.53                | -363.32                |
| Ấn Độ                                                 | 253.16 | 253.16                | 253.16                 |
| Đài Loan                                              | 351.06 | 938.98                | 938.98                 |
| Hàn Quốc                                              | 142.37 | 588.38                | 588.38                 |
| Nhật Bản                                              |        | 2,015.80              | 8412.10                |
| Trung Quốc                                            |        |                       | -16562.35              |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |        |                       |                        |
| Credit Default Swap                                   |        | MoM %                 |                        |
| Việt Nam                                              |        | -0.13                 |                        |
| Thái Lan                                              |        | 3.99                  |                        |
| Singapore                                             |        | -0.13                 |                        |
| Phillippines                                          |        | 16.35                 |                        |
| Malaysia                                              |        | 13.54                 |                        |



Nguồn: Fiinpro, BSC

**Tin vĩ mô**

- Bộ KH&ĐT nhận định trường hợp dịch Covid-19 được khống chế kịp thời trong quý I, ước tính GDP quý I/2021 tăng 4.46%, thấp hơn 0.66% so với mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết 01. Với mức suy giảm trên, nếu hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng của các quý sau theo Nghị quyết 01, tăng trưởng cả năm ước đạt 6.37%, đạt mục tiêu tăng trưởng của Quốc hội (6%) nhưng thấp hơn mục tiêu tăng trưởng tại Nghị quyết 01, 6.5%. Để đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP 6.5% thì quý II cần đạt mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết 01 với tăng trưởng 7.11% và quý III, quý IV phải phấn đấu đạt mức tăng trưởng cao hơn so với Nghị quyết 01/NQ-CP. Theo đó, quý III tăng 6.73% (cao hơn Nghị quyết 01 0.02%) và quý IV tăng 7,04% (cao hơn Nghị quyết 01 0.37%).

| Thông số kỹ thuật |            |
|-------------------|------------|
| Xu hướng          | Điều chỉnh |
| Chỉ báo           | Tiêu cực   |
| Kháng cự          | 1080       |
| Hỗ trợ            | 1005       |



Nguồn: FireAnt, BSC

- NLG: Đã thông qua phương án bán toàn bộ 10 triệu cổ phiếu quỹ hiện có. Thời gian thực hiện trong quý I, quý II/2021. Chi tiết sẽ được thông báo sau.
- VNM: Thông báo, đã bán hơn 310.000 cổ phiếu quỹ từ ngày 06/1 đến 27/1 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh, với giá bán bình quân 112.619 đồng/cổ phiếu.
- PGC: Đã thống nhất kế hoạch kinh doanh 2021 với doanh thu 2.795 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất 160 tỷ đồng, cổ tức tối thiểu 12%/vốn điều lệ.
- CTD: Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2020 doanh thu đạt 4.296 tỷ đồng, giảm 42% cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế 94 tỷ đồng, giảm tới 60%. Lũy kế cả năm 2020, CTD đạt doanh thu 14.597 tỷ đồng, giảm 38% so với thực hiện năm 2019, lợi nhuận sau thuế hơn 463 tỷ đồng, giảm 35%.
- AAA: Đã thông qua kế hoạch kinh doanh 2021 với chỉ tiêu doanh thu hợp nhất 9.500 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 550 tỷ đồng. Trong quý I/2021, AAA mới đây đã thông báo đạt 1.572 tỷ đồng doanh thu hợp nhất và 63 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.
- YEG: Đã công bố báo cáo tài chính quý 4/2020 với doanh thu hợp nhất cả năm đạt 1.225 tỷ đồng, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt hơn 100 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 50% so với năm 2019, lỗ sau thuế gần 131 tỷ đồng.
- VCG: Lũy kế cả năm 2020, dù VCG đạt 5.495,4 tỷ đồng doanh thu hợp nhất, giảm 42,2% so với thực hiện năm 2019 nhưng biên lợi nhuận gộp hợp nhất được cải thiện, đạt 15,27% từ mức 13,79% của năm 2019.
- LTG: Lũy kế năm 2020, Lộc Trời ghi nhận doanh thu đạt 7.505,8 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 368,9 tỷ đồng, lần lượt bằng 90,3% và 110,1% thực hiện trong năm 2019. Như vậy, năm 2020 doanh nghiệp đã vượt 2,5% kế hoạch lợi nhuận năm.
- TTF: Đã công bố Báo cáo tài chính quý IV/2020 với doanh thu hợp nhất đạt 408 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ năm trước, nhưng lợi nhuận sau thuế âm 29 tỷ đồng, trong khi quý IV/2019 lỗ 505 tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2020, TTF đạt 1.215 tỷ đồng doanh thu, tăng 69% so với thực hiện năm 2019, lợi nhuận sau thuế 23 tỷ đồng, thu hẹp so với con số lỗ 1.003 tỷ đồng của năm 2019.
- CCI: Đã thông qua kế hoạch kinh doanh 2021 với chỉ tiêu doanh thu hơn 353,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hơn 31,5 tỷ đồng.
- NTH: Ngày 23/2 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 24/2. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 12/3/2021.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*



# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)

(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)

(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)

(+84)2437173639